

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-12-2022

*“V/v tranh chấp về nuôi con của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng mà
không đăng ký kết hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Oanh Kiều

Bà Phước Thị Kim Huê

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Nô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc *“Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị D, sinh ngày 01/01/1980; địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lâm L, sinh ngày 01/01/1978. Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2022 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Thạch Thị D trình bày và có yêu cầu như sau: Vào năm 2001, do mai mối và sau thời gian tìm hiểu thì chị và anh Lâm L yêu thương nhau và đã quyết định đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới hai vợ chồng về sống chung cha mẹ ruột của chị, quá trình chung sống vợ chồng có hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng năm 2016

thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường hay bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, anh L không tôn trọng chị, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không lo lắng gì đến cuộc sống gia đình. Chị vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình nên cố gắng nhường nhịn nhưng anh L không biết suy nghĩ để chị một mình tự lo liệu cuộc sống gia đình, từ đó mà vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị đã lên thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm và hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mặc dù hai bên gia đình đã đứng ra hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được, vì không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh L là vợ chồng; về con chung có hai người con tên Lâm Thị M, sinh ngày 10/02/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, còn lại con tên Lâm Thị N, sinh ngày 19/10/2006 tùy theo nguyện vọng của con muốn sống chung với cha hay mẹ thì người đó nuôi, bên còn lại không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 05/12/2022 bị đơn anh Lâm L trình bày và có yêu cầu như sau: Vào năm 2001, anh và chị Thạch Thị D được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc và có với nhau hai người con chung tên Lâm Thị M, sinh ngày 10/02/2001 và Lâm Thị N, sinh ngày 19/10/2006. Tuy nhiên, khoảng 05 năm trở lại đây do mâu thuẫn nên anh và chị Thạch Thị D đã ly thân với nhau, anh vẫn sống ở quê đi làm thuê còn chị Thạch Thị D đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh. Nay anh nhận thấy mối quan hệ giữa anh và chị Thạch Thị D không thể hàn gắn lại với nhau được nên anh đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị Thạch D yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh và chị Thạch Thị D là vợ chồng; con chung tên Lâm Thị M, sinh ngày 10/02/2001 đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn lại con Lâm Thị N, sinh ngày 19/10/2006 thì tùy theo nguyện vọng của con sống với cha hay mẹ thì người đó nuôi, bên còn lại không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 05/12/2022, cháu Lâm Thị N là con chung của anh Lâm L và chị Thạch Thị D trình bày: Trường hợp cha mẹ không hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng với nhau thì cháu Lâm Thị N yêu cầu được tiếp tục chung sống với mẹ là chị Thạch Thị D.

Tại biên bản hòa giải ngày 05/12/2022, chị Thạch Thị D và anh Lâm L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị D và anh Lâm L thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận giữa anh chị là quan hệ vợ chồng; về con chung anh chị thống nhất có hai người con chung tên Lâm Thị M, sinh ngày 10/02/2001 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn lại con tên Lâm Thị N, sinh ngày 19/10/2006 thống nhất theo nguyện vọng của con được sống chung với chị Thạch Thị D, anh L không phải

cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung chị D, anh L thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc dù chị D và anh L đã thỏa thuận được với nhau toàn bộ nội dung vụ án nhưng chị D và anh L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử, do đó chị D và anh L có yêu cầu được xét xử vắng mặt vì anh, chị bận đi làm thuê không có thời gian đến dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét thấy bị đơn anh Lâm L có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Thạch Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận giữa chị D và anh L là vợ chồng, về con chung tên Lâm Thị M, sinh ngày 10/02/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, còn lại con tên Lâm Thị N, sinh ngày 19/10/2006 tùy theo nguyện vọng của con muốn sống chung với cha hay mẹ thì người đó nuôi, bên còn lại không cấp dưỡng nuôi con; nên xác định quan hệ “Tranh chấp về nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Thạch Thị D và anh Lâm L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh Lâm.

[2] về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Thạch Thị D và anh Lâm L có lời khai thống nhất với nhau là anh, chị tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L không hợp pháp và không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa chị D và anh L cũng có hạnh phúc được một thời gian dài, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi nên chị D đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, còn anh L ở quê nhà nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh L là vợ chồng.

Hội đồng xét xử, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L sống chung với nhau vào năm 2001, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo qui định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, đồng thời cuộc hôn nhân giữa chị

D và anh L không thể tiếp tục duy trì được nữa, bởi vì thời gian ly thân khá lâu nên giữa chị D và anh L không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị D, không công nhận chị D và anh L là vợ chồng.

-Về con chung: Chị Thạch Thị D và anh Lâm L thống nhất trong thời gian sống chung có hai người con chung tên Lâm Thị M, sinh ngày 10/02/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn lại con tên Lâm Thị N, sinh ngày 19/10/2006. Theo nguyện vọng của cháu Lâm Thị N là mong muốn được tiếp tục chung sống với chị D. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc quyết định giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ 7 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con. Do đó, theo nguyện vọng của cháu Lâm Thị N. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D tự nguyện không có yêu cầu bên không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận, không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị D và anh Lâm L thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và các Điều 271; 273 ; 277; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 51; Điều 53 và các Điều 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị D.

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị D và anh Lâm L là vợ chồng.

-Về con chung: Lâm Thị M, sinh ngày 10/02/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét; còn lại con tên Lâm Thị N, sinh ngày 19/10/2006 giao cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu Lâm Thị N, anh Lâm L không phải cấp dưỡng nuôi con

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thạch Thị D và anh Lâm L đã thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng buộc chị Thạch Thị D phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Thạch Thị D đã nộp bằng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0012683 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án huyện C, tỉnh Trà Vinh nên chị Thạch Thị D đã nộp xong, bị đơn anh Lâm L không phải chịu án phí.

- Quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị D và anh Lâm L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Thanh

